

CTCP VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN (PNJ – HOSE)

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”

TRUNG LẬP

Nguyễn Phương Thảo

Email: thao.nphuong@abs.vn

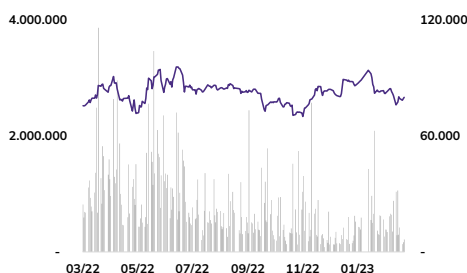
THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bán lẻ
Ngày báo cáo	: 21/03/2023
Giá hiện tại (VND/CP)	: 79.000
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 89.000
Tỷ lệ tăng (%)	: 13%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 26.246
SLCPLH (CP)	: 328.075.869

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2021A	2022A
Tăng trưởng DTT (%)	12%	73%
Tăng trưởng LNST (%)	-4%	76%
Biên LNG (%)	18%	17%
Biên LNST (%)	5%	5%
ROA (%)	10%	14%
ROE (%)	17%	21%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,45	0,31
EPS (VND/CP)	4.295	7.340
BVPS (VND/CP)	26.416	34.885

DIỄN BIẾN GIÁ



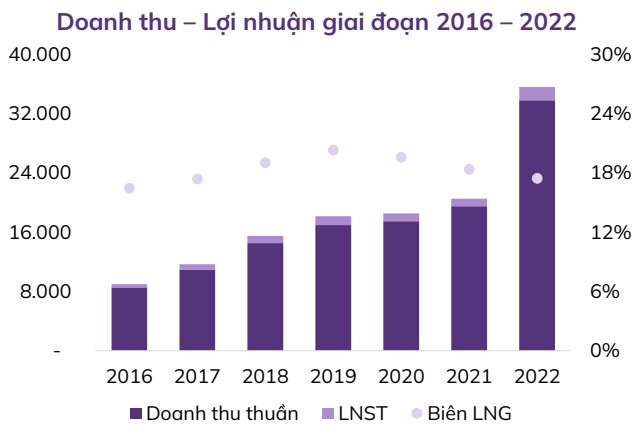
Nguồn: ABS Research

Luận điểm đầu tư

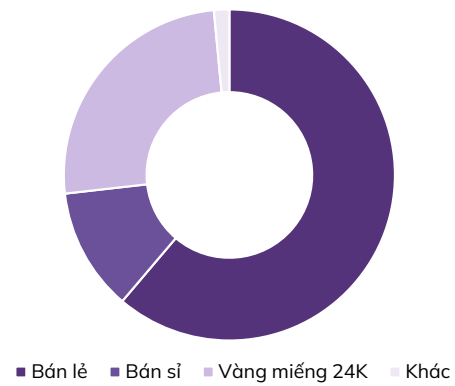
- Năm 2022, PNJ đạt kết quả kinh doanh khả quan với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt đạt mức tăng trưởng 73% và 76% so với cùng kỳ.
- Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận của PNJ năm 2023 lần lượt tăng trưởng 15% và 13% so với năm 2022 và giữ mức khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với PNJ nhờ các yếu tố sau:
 - ✓ PNJ tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cửa hàng, mở mới 38 cửa hàng trong năm 2023.
 - ✓ Doanh thu trung bình trên mỗi cửa hàng đạt tăng trưởng 5% svck.
 - ✓ Tuy nhiên, tăng trưởng của PNJ có thể sẽ gặp nhiều thách thức do mức nền cao của năm 2022 và lo ngại suy thoái kinh tế toàn cầu.
- Về dài hạn, chúng tôi cho rằng triển vọng của PNJ vẫn tương đối tích cực nhờ tăng trưởng chung của ngành bán lẻ cũng như việc tăng lớp trung lưu Việt Nam (đối tượng khách hàng mục tiêu mà PNJ hướng tới) được dự báo sẽ gia tăng nhanh trong giai đoạn 2020 – 2030.
- Rủi ro**
 - ✓ Tốc độ mở mới cửa hàng của PNJ và doanh thu TB/cửa hàng có khả năng sẽ tăng trưởng chậm hơn dự kiến do ảnh hưởng bởi sự suy yếu kinh tế toàn cầu.
 - ✓ Những khó khăn trên thị trường tài chính thế giới có thể làm suy yếu triển vọng tăng trưởng của chi tiêu trang sức, trong khi nhu cầu mua vàng miếng có thể suy giảm khi lạm phát giảm dần, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của PNJ trong năm 2023.
- Cơ hội**
 - ✓ Tốc độ mở mới cửa hàng tăng trưởng mạnh hơn dự kiến.
 - ✓ Ảnh hưởng từ lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu không có nhiều tác động tới nhu cầu vàng miếng và trang sức (sản phẩm chính của PNJ), giúp tăng trưởng doanh thu/cửa hàng mạnh hơn dự kiến.

Cập nhật doanh nghiệp

- Lũy kế cả năm 2022, doanh thu và lợi nhuận của PNJ ghi nhận tăng trưởng vượt trội.** Doanh thu thuần và LNST cả năm 2022 lần lượt đạt 33.876 tỷ đồng (+73% svck) và 1.807 tỷ đồng (+76% svck). Biên LNG giảm nhẹ từ 18,4% (2021) xuống còn 17,5% (2022) do tốc độ tăng trưởng giá vốn (+75% svck) cao hơn tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Với kết quả này, PNJ đã vượt 31% chỉ tiêu doanh thu và 37% chỉ tiêu LNST.
- Theo PNJ, doanh thu năm 2022 tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng bán lẻ (+80% svck), bán sỉ (+56% svck) và vàng miếng 24K (+75% svck).** Tăng trưởng tích cực là nhờ PNJ đã đẩy mạnh phát triển khách hàng mới, chăm sóc các khách hàng cũ một cách hiệu quả cũng như đưa ra các chính sách bán hàng đa dạng. Doanh thu vàng miếng tăng phù hợp với bối cảnh lạm phát tăng cao và bất ổn chính trị trên thế giới. Cùng với đó, trong năm 2022, PNJ đã mở mới tổng cộng 38 cửa hàng và đóng cửa 15 cửa hàng, đưa tổng số cửa hàng của PNJ tính đến cuối năm 2022 là 364 cửa hàng.



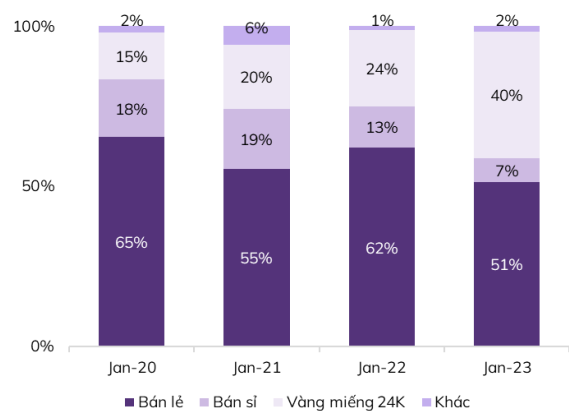
Cơ cấu doanh thu của PNJ năm 2022



Nguồn: PNJ, ABS Research

- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2022 của PNJ đạt kỷ lục.** Chỉ tiêu hàng tồn kho cuối năm 2022 của PNJ đạt 10.506 tỷ đồng (+20% so với cuối năm 2021). PNJ chuẩn bị lượng tồn kho lớn để bước vào mùa cao điểm tiêu thụ vàng trong năm bao gồm dịp Tết Nguyên Đán và ngày Thần tài (10 tháng Giêng âm lịch).
- Kết thúc tháng 1/2023, kết quả kinh doanh của PNJ vẫn tăng trưởng tốt so với cùng kỳ dù có số ngày hoạt động ít hơn so với tháng 1/2022 do dịp Tết Nguyên Đán đến sớm.** Doanh thu và LNST của PNJ lần lượt đạt 4.129 tỷ đồng (+18,8% svck) và 302 tỷ đồng (+11,8% svck). Doanh thu vàng miếng 24K đạt doanh số ấn tượng với 1.635 tỷ đồng, tăng trưởng tới 96% svck nhờ ngày Thần Tài năm 2023. Bên cạnh đó, doanh thu bán lẻ chỉ giảm nhẹ 1,7% svck, đạt 2.126 tỷ đồng dù các cửa hàng hoạt động ít hơn 4 ngày so với năm 2022.

Cơ cấu doanh thu tháng 1 (2020 – 2023)

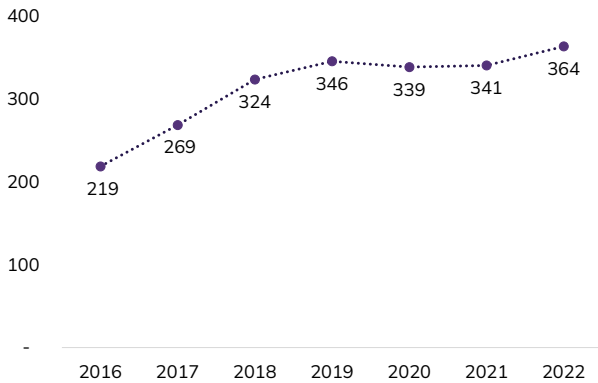


Nguồn: PNJ, ABS Research

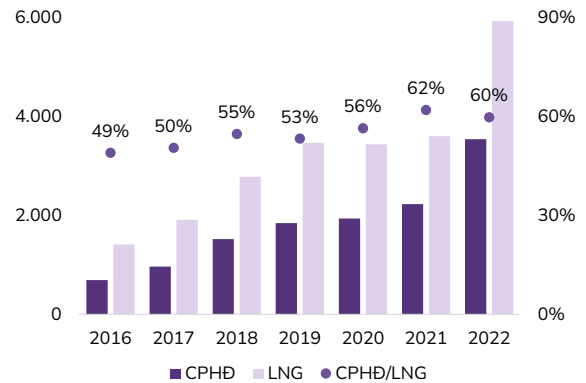
Dự phóng KQKD

- Với mục tiêu đạt 500 cửa hàng vào năm 2025 của PNJ, chúng tôi kỳ vọng tốc độ mở mới cửa hàng đạt 10% trong năm 2023, duy trì mức tăng trưởng 20%/năm cho 2 năm tiếp theo. Theo đó, trong năm 2023, chúng tôi dự kiến PNJ sẽ mở mới 38 cửa hàng và 45/54 cửa hàng đối với năm 2024/2025.
- Thêm vào đó, PNJ còn có kế hoạch mở rộng nhà máy và dây chuyền sản xuất để đáp ứng nhu cầu mở mới các cửa hàng sang đô thị cấp 2, 3. PNJ dự kiến sẽ nâng cấp nhà máy Long Hậu thêm 30% công suất và xây dựng thêm một nhà máy mới để đáp ứng nhu cầu mạnh mẽ từ mảng trang sức. Chúng tôi dự kiến trong năm 2023, tổng chi phí đầu tư của PNJ sẽ dao động quanh mức 600 tỷ và tăng khoảng 20% trong 2 năm tiếp theo nhằm thực hiện mục tiêu đạt 500 cửa hàng vào năm 2025.

Số cửa hàng của PNJ giai đoạn 2016 – 2022



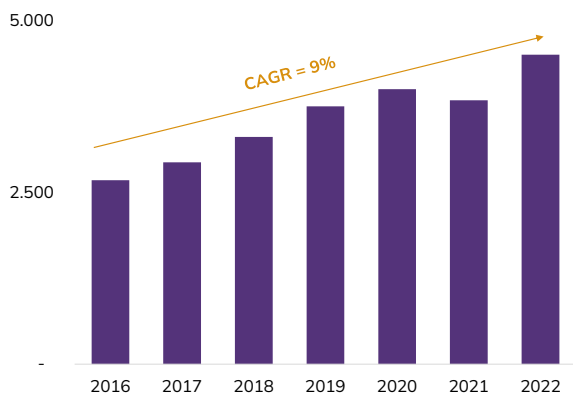
Chi phí hoạt động/Lợi nhuận gộp 2016 – 2022



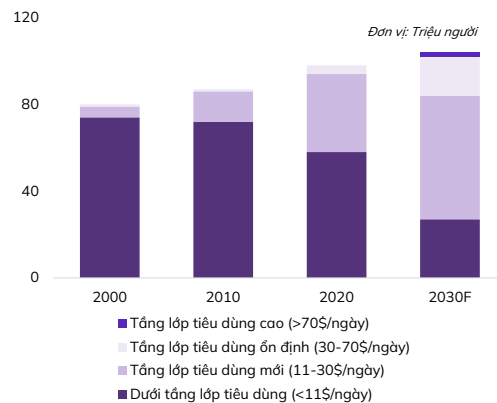
Nguồn: PNJ, ABS Research

- PNJ thường xuyên tổ chức các chương trình theo từng sự kiện đặc biệt trong năm nhằm thu hút khách hàng và thúc đẩy doanh thu. Ngay trong tháng 1/2023, PNJ đã triển khai hàng loạt minigame nhân dịp Tết Nguyên Đán và ngày Thần Tài. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu TB/cửa hàng của PNJ trong năm 2023 sẽ đạt mức tăng trưởng 5%/năm, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình của ngành bán lẻ giai đoạn 2016 – 2022 (CAGR = 9%) do lo ngại suy thoái kinh tế ảnh hưởng tới sức tiêu thụ mặt hàng trang sức của người tiêu dùng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu trên mỗi cửa hàng của PNJ có thể phục hồi lên 7%/9% trong năm 2024/2025.
- PNJ vẫn đang trong quá trình đổi mới, áp dụng chuyển đổi số vào quá trình vận hành, tiếp tục phát triển tệp khách hàng mục tiêu. Nhờ áp dụng chuyển đổi số, trong năm 2022 PNJ đã tiết kiệm được chi phí hoạt động (CPHĐ), tỷ lệ CPHĐ/LNG giảm từ 61,9% (2021) xuống còn 59,7%. Chúng tôi kỳ vọng PNJ duy trì được tỷ lệ này ~60% trong 2023.
- Theo đó, mức doanh thu và LNST năm 2023 của PNJ lần lượt là **38.971 tỷ đồng (+15% YoY)** và **2.038 tỷ đồng (+13% YoY)**.
- Về dài hạn, chúng tôi cho rằng dư địa phát triển của PNJ vẫn còn rộng mở nhờ các yếu tố sau:
 - ✓ PNJ là doanh nghiệp sản xuất và bán lẻ trang sức lớn nhất Việt Nam với 50% thị phần trong ngành. Hiện nay, quy mô hệ thống của PNJ đã đạt 364 cửa hàng vào cuối năm 2022 với mức độ bao phủ 55/63 tỉnh thành trên toàn quốc. Xí nghiệp chế tác nữ trang của PNJ là một trong những xí nghiệp lớn nhất Châu Á với công suất sản xuất trên 4 triệu sản phẩm/năm. Thêm vào đó, về yếu tố con người, PNJ hiện đang sở hữu khoảng 70% nghệ nhân kim hoàn của Việt Nam – những người có tay nghề cao trong lĩnh vực chế tác trang sức, đây là một trong những yếu tố giúp PNJ có thể giữ vững vị thế là doanh nghiệp chế tác trang sức hàng đầu cả nước trong nhiều năm.
 - ✓ Doanh thu bán lẻ của Việt Nam tăng trưởng tích cực. Năm 2022, doanh thu bán lẻ của Việt Nam ước tính đạt 4.505 nghìn tỷ đồng (+17% svck). Tốc độ tăng trưởng trung bình doanh thu bán lẻ của Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2022 đạt 9%/năm và vẫn đang trên đà tăng trưởng dài hạn.

Doanh thu bán lẻ 2016 – 2022 (Nghìn tỷ đồng)



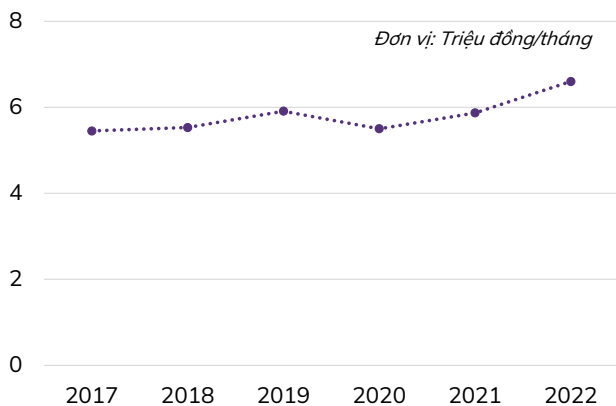
Dân số theo mức chi tiêu hàng ngày



Nguồn: GSO, World Data Lab, ABS Research

- ✓ Thu nhập bình quân đầu người và tầng lớp trung lưu của Việt Nam đang trên đà tăng trưởng tốt. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 6,6 triệu đồng/tháng, tăng 12% so với năm 2021. Bên cạnh đó, theo World Bank, trong giai đoạn 2016 – 2020, trung bình mỗi năm Việt Nam có thêm 1,5 triệu người gia nhập tầng lớp trung lưu, là tập khách hàng mục tiêu của PNJ. Tốc độ tăng trưởng tầng lớp trung lưu tại Việt Nam đang cao nhất khu vực Châu Á.

Thu nhập bình quân đầu người Việt Nam



Tổ chức kinh tế

Số người gia nhập tầng lớp trung lưu tại Việt Nam (triệu người)

World Bank	52
World Data Lab	23,2
MCKinsey	37

Nguồn: GSO, ABS Research

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi thực hiện định giá cổ phiếu PNJ theo 2 phương pháp

- ✓ Phương pháp P/E
- ✓ Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF

Dựa trên một số giả định chính

- ✓ Tốc độ mở mới cửa hàng đạt 10% trong năm 2023 với CAPEX năm 2023 dao động quanh mức 600 tỷ đồng;
- ✓ Doanh thu TB/cửa hàng đạt tăng trưởng 5% trong năm 2023;
- ✓ Giả định PNJ sử dụng đòn bẩy tài chính phục vụ hoạt động đầu tư với tỷ lệ D/E 2023F ở mức 0,36x.

Phương pháp P/E

- ✓ P/E 2023 được xác định ở mức 15,0x – dựa trên mức P/E trung vị 1 năm của PNJ là 15,4x
 - ✓ EPS 2023F là 6.210 đồng/cp
- ⇒ Theo phương pháp P/E, giá cổ phiếu PNJ được xác định là **93.157 đồng/cp**, tương đương tăng **18%** so với giá hiện tại.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF

- ✓ Chi phí VCSH được xác định theo phương pháp CAPM trong đó lãi suất phi rủi ro được giả định bằng lãi suất TPCP kỳ hạn 10 năm là 4,4%. Phần bù rủi ro thị trường là 11,1% (theo Damodaran tháng 01/2023). Beta điều chỉnh là 0,86 lần. Khi đó, tỷ suất lợi nhuận yêu cầu WACC bằng 11,1%.
- ✓ Theo phương pháp FCFF, giá cổ phiếu PNJ được xác định là **84.938 đồng/cp**, tương đương tăng **8%** so với giá hiện tại.

Chỉ tiêu	Giá định
Lãi suất phi rủi ro (Risk free rate)	4,4%
Phần bù rủi ro thị trường (Market Risk Premium)	11,1%
Beta	0,86
Chi phí VCSH (Cost of Equity)	14%
WACC	11,1%
Tăng trưởng dài hạn (Terminal Growth Rate)	2,0%

Kết quả định giá

Phương pháp	Giá (đồng)	Tỷ trọng
P/E	93.157	50%
FCFF	84.938	50%
Giá trung bình (đồng/cổ phiếu)		89.048

⇒ Như vậy, giá cổ phiếu PNJ hợp lý ở mức **89.000 đồng/cp** tương ứng tiềm năng tăng **13%** so với giá hiện tại. Do đó chúng tôi giữ mức khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với PNJ.

Rủi ro giảm giá

- ✓ Tốc độ mở mới cửa hàng của PNJ và doanh thu TB/cửa hàng có khả năng sẽ tăng trưởng chậm hơn dự kiến do ảnh hưởng bởi sự suy yếu kinh tế toàn cầu.
- ✓ Những khó khăn trên thị trường tài chính thế giới có thể làm suy yếu triển vọng tăng trưởng của chi tiêu trang sức, trong khi nhu cầu mua vàng miếng có thể suy giảm khi lạm phát giảm dần, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của PNJ trong năm 2023.

Cơ hội tăng giá

- ✓ Tốc độ mở mới cửa hàng tăng trưởng mạnh hơn dự kiến
- ✓ Lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu không có nhiều tác động tới nhu cầu vàng miếng và trang sức giúp doanh thu TB/cửa hàng tăng trưởng mạnh hơn dự kiến.

PHỤ LỤC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	17.511	19.547	33.876	39.039
Giá vốn hàng bán	-14.076	-15.949	-27.950	-32.243
Lợi nhuận gộp	3.435	3.598	5.926	6.796
Doanh thu tài chính	2	16	59	59
Chi phí tài chính	-162	-118	-146	-159
Chi phí bán hàng	-1.421	-1.688	-2.828	-3.266
Chi phí QLDN	-506	-502	-675	-886
Lợi nhuận từ HĐKD	1.500	1.372	2.389	2.640
Lãi/Lỗ khác	-3	-28	-25	-25
Lợi nhuận trước thuế	1.346	1.279	2.311	2.548
Lợi nhuận sau thuế	1.069	1.029	1.807	2.038
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.069	1.029	1.807	2.038

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
LCT thuần từ HĐKD	1.577	-644	42	2
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-70	-47	-47	-618
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-1.180	624	729	497
LCT thuần trong kỳ	327	-67	724	-118
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	95	422	355	880
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	422	355	880	827

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,21	2,04	2,53	2,34
Khả năng thanh toán nhanh	0,19	0,12	0,31	0,24
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,13	0,08	0,23	0,16
Khả năng thanh toán lãi vay	9,71	13,14	25,38	28,45
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,59	0,61	0,64
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,22	0,26	0,20	0,23
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,35	0,45	0,31	0,36
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	1,2	1,2	0,7	0,6
Số ngày phải trả	15,7	11,7	4,3	3,0
Số ngày tồn kho	176,0	175,1	111,3	130,0
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19,6%	18,4%	17,5%	17,4%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	8,6%	7,0%	7,1%	6,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	-10,4%	-3,8%	75,6%	12,8%
ROE	22%	18%	26%	22%
ROA	13%	11%	17%	14%
ROIC	18%	13%	18%	16%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	422	355	880	827
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	68	60	56	78
+ Hàng tồn kho	6.546	8.755	10.506	12.461
+ Tài sản ngắn hạn khác	108	122	316	365
Tài sản ngắn hạn	7.144	9.292	11.958	13.865
+ Các khoản phải thu dài hạn	77	84	94	106
+ Tài sản cố định	932	910	882	1.013
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	33	31	29	29
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	297	302	358	426
Tài sản dài hạn	1.339	1.327	1.363	1.574

Tổng Tài sản	8.483	10.619	13.321	16.064
+ Vay ngắn hạn	1.839	2.722	2.683	3.673
+ Phải trả người bán	482	680	268	294
+ Nợ ngắn hạn khác	911	1.161	1.773	1.952
Nợ ngắn hạn	3.232	4.563	4.723	5.919
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	9	43	10	11
Nợ dài hạn	9	43	10	11
Tổng nợ phải trả	3.241	4.606	4.733	5.931
+ Vốn cổ phần	2.276	2.276	2.462	3.282
+ Thặng dư vốn cổ phần	991	991	2.251	1.431
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.605	1.950	2.666	4.212
+ Quỹ khác	-3	-5	-3	-3
Vốn chủ sở hữu	5.242	6.013	8.588	10.134
Tổng cộng nguồn vốn	8.483	10.619	13.321	16.064

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023F
Tăng trưởng doanh thu	3%	12%	73%	15%
Tăng trưởng LNNT	8%	7%	7%	7%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-10%	-4%	76%	13%
Tăng trưởng EPS	-11%	-4%	56%	-15%
Tăng trưởng VCSH	15%	15%	43%	18%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-1%	25%	25%	21%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023F
P/E	16,8	17,4	10,7	12,7
P/B	3,4	3,0	2,3	1,9
EV/EBITDA	12,6	14,3	8,9	8,5
EV/Sales	1,1	1,2	0,7	0,7

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Nguyên tắc khuyến nghị

- MUA** Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
- TRUNG LẬP** Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 0% đến 15%
- BÁN** Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 0%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Năng lượng, Xây lắp, VLXD

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lenthikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Đỗ Thành Trung – Phó Giám đốc

Email: trung.dothanh@abs.vn

Vĩ mô, Bảo hiểm, Ngân hàng

Lê Thu Huyền - Chuyên viên

Email: huyen.lethu@abs.vn

Ngân hàng, BĐS KCN, Cao su

Lê Quang Trung - Chuyên viên

Email: trung.lequang@abs.vn

BĐS Dân cư, Thép

Trần Bình Minh - Chuyên viên

Email: minh.tranbinh@abs.vn

Chứng khoán, Cảng biển

Trần Quang Huy, ACCA - Chuyên viên

Email: huy.tranquang@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên

Email: thao.nphuong@abs.vn

Hóa chất, Lương thực, Dữ liệu

Trịnh Thu Trang - Chuyên viên

Email: trang.trinhthu@abs.vn